

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 810/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2023

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2/ Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 598/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2032/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thủy Ng, sinh năm 1963

Địa chỉ: Nguyễn Thái Bình, phường Ng, Quận M, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Vương Tấn N, sinh năm 1958

Địa chỉ: Wörschelstrass . 13 . 74834 . Elztal . Baden . württemberg

Người đại diện hợp pháp cho ông Vương Tấn N (để nhận giấy tờ, quyết định của Tòa án): bà Trần Thủy Tr, sinh năm 1987; Địa chỉ: T, Quận K, Thành phố H theo giấy ủy quyền số 60/CTCK lập tại Tổng Lãnh sự quán cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Frankfurt am Main-CHLB Đức ngày 23/02/2023.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Đỗ Thủy Ng trình bày:

Bà và ông Vương Tấn N kết hôn vào năm 2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 151 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2019.

Sau khi kết hôn ông N quay trở về Đức sinh sống và làm việc, trong quá trình ông N ở Đức ông N có làm hồ sơ bảo lãnh cho bà sang Đức sinh sống. Đến tháng 9/2020 bà sang Đức sống cùng ông N, tuy nhiên trong quá trình chung sống hai bên thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông N thường xuyên có những lời nói và hành động không tôn trọng bà và gia đình bà. Bà đã nhiều lần góp ý với ông N nhưng không được nên ông N đã làm thủ tục yêu cầu bà quay trở về

Việt Nam. Từ tháng 6/2022 đến nay bà sinh sống tại Việt Nam, bà và ông N đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến đời sống của ai, nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, điều kiện sống chung không có việc hàn gắn là không thể thực hiện được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Vương Tấn N để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Vương Tấn N không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Vương Tấn N không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Vương Tấn N trình bày tại bản tự khai ngày 18/02/2023 được Tổng Lãnh sự quán cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Frankfurt am Main-CHLB Đức chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 23/02/2023 số chứng thực 58/CTCK có nội dung như sau: Ông và bà Đỗ Thủy Ng kết hôn vào năm 2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 151 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2019.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn ông thống nhất như trình bày của bà Đỗ Thủy Ng. Ông được biết bà Đỗ Thủy Ng đang yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của bà Đỗ Thủy Ng ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Đỗ Thủy Ng.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn bà Đỗ Thủy Ng, bị đơn ông Vương Tấn N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn bà Đỗ Thủy Ng đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn ông Vương Tấn N đang cư trú tại Cộng hòa liên bang Đức, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; Điều 38 ; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thủy Ng, bị đơn ông Vương Tấn N đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Đỗ Thủy Ng bị đơn ông Vương Tấn N có đăng ký kết hôn vào năm 2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 151 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2019, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Đỗ Thủy Ng và ông Vương Tấn N trình bày: Sau khi kết hôn ông N quay trở về Đức sinh sống và làm việc, trong quá trình ông N ở Đức ông N có làm hồ sơ bảo lãnh cho bà Ng sang Đức sinh sống. Đến tháng 9/2020 bà Ng sang Đức sống cùng ông N, tuy nhiên trong quá trình chung sống hai bên thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và lối sống không hợp. Hai bên đã nhiều lần góp ý và nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được đến tháng 6/2022 bà Ng quay trở về Việt Nam sinh sống. Hiện nay, hai bên đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến đời sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, việc hàn gắn là không thể thực hiện được.

Bà Đỗ Thủy Ng nhận thấy không còn tình cảm với ông Vương Tấn N, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về phía ông Vương Tấn N có bản tự khai ngày 18/02/2023 được Tổng Lãnh sự quán cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Frankfurt am Main-CHLB Đức chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 23/02/2023 số chứng thực 58/CTCK đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đỗ Thủy Ng.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Do điều kiện khách quan nên thực tế vợ chồng bà Đỗ Thủy Ng, ông Vương Tấn N đã không còn chung sống dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đỗ Thủy Ng xin ly hôn và ông Vương Tấn N đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Đỗ Thủy Ng và ông Vương Tấn N xác định không có nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung : Bà Đỗ Thủy Ng và ông Vương Tấn N xác định không có nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thủy Ng và ông Vương Tấn N được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thủy Ng.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thủy Ng và ông Vương Tấn N thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung : Không có

3/ Về tài sản chung: Không có

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Đỗ Thủy Ng phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Đỗ Thủy Ng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003495 ngày 17/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đỗ Thủy Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Bà Đỗ Thủy Ng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Ông Vương Tấn N được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND Quận 1, Tp.HCM;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương

